

YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

Tên gói thầu: Gói thầu số 02: Cung cấp hóa chất cho Phòng thí nghiệm thuộc Trung tâm Trắc địa và Quan trắc môi trường tỉnh Quảng Ngãi năm 2026 .

Chủ đầu tư: Trung tâm Trắc địa và Quan trắc môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

Nguồn vốn: Nguồn thu sự nghiệp của Trung tâm Trắc địa và Quan trắc Môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước qua mạng.

Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

Địa điểm thực hiện: Tại Trung tâm Trắc địa và Quan trắc môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

Loại hợp đồng: Trọn gói;

Thời gian thực hiện hợp đồng: 280 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Nhà thầu tham gia dự thầu phải chào đúng và đủ chủng loại, khối lượng, model, xuất xứ, nhãn mác sản phẩm của hàng hóa tại **webform trên Hệ thống**.

- Catalogue của các thiết bị Máy vi tính xách tay (*trường hợp thiết bị không có catalogue thì phải có hình ảnh hoặc tài liệu tương đương mô tả sản phẩm chào thầu*). Các tài liệu này nếu là ngôn ngữ khác thì phải có bản dịch bằng tiếng Việt của cơ quan đủ thẩm quyền. Trường hợp nhà thầu không nộp kèm E-HSDT các tài liệu này thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm bổ sung khi Bên mời thầu yêu cầu. Trường hợp nhà thầu không bổ sung tài liệu theo yêu cầu của Bên mời thầu hoặc có nộp kèm nhưng không đáp ứng các tiêu chí, thông số kỹ thuật của thiết bị nêu tại E-HSMT thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là không đạt yêu cầu.

- Hàng hóa phải mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở về sau.

- Cam kết cung cấp đầy đủ CO, CQ khi giao hàng đối với hàng hóa nhập khẩu.

- Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm đóng gói: Bao bì đóng gói, thông số kỹ thuật theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất và hàng hóa phải còn nguyên đai nguyên kiện (*đối với hàng hóa nhập khẩu*).

- Thực hiện nghiệm thu trước khi đưa vào sử dụng.
 - Trong thời gian bảo hành, nếu hàng hóa có trục trặc do hỏng hóc hay lắp đặt không đúng, thì nhà cung cấp thiết bị sẽ phải chịu mọi phí tổn để thay mới hoặc khắc phục những hư hỏng trên.
 - Có phương án bảo hành, kế hoạch bảo trì cho các hàng hóa cung cấp.
- b/ Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể*
- Tất cả hàng hóa phải được Nhà thầu cam kết bàn giao tại các đơn vị sử dụng tài sản đã nêu trong E-HSMT và nằm trong thời gian thực hiện gói thầu. Tiến độ giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ theo yêu cầu tại Mẫu số 01A và Mẫu số 01B Chương IV.
 - Nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật cụ thể của hàng hóa theo bảng sau:

| STT | Danh mục hàng hóa | Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn |
|-----|--|---|
| 1 | Boric Acid, For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: B/3800/53 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500g |
| 2 | Methyl Orange, ACS | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 017874.14 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 25g |
| 3 | Iron (II) Sulfate heptahydrate FeSO ₄ .7H ₂ O | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Trung Quốc (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Xilong - Nhân hiệu: Xilong - Ký mã hiệu: FeSO₄.7H₂O - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500g |
| 4 | Sulfamic Acid, For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: S/8641/53 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 g |

| | | |
|----|--|--|
| 5 | Ammonium Chloride, 99.5+%, For Analysis, Ar, Meets The Specification Of Bp And Ph. Eur. | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: A/3920/53 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500g |
| 6 | Copper(II) Sulfate Pentahydrate, For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: C/8560/50 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 250g |
| 7 | Ethylenediaminetetraacetic Acid, Disodium Salt Dihydrate, For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: D/0700/60 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1kg |
| 8 | Iodine, 99.9+%, For Analysis, Bp | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: I/0500/48 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100g |
| 9 | Iron(III) chloride hexahydrate, 99+%, for analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 217095000 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500g |
| 10 | Lithium sulfate monohydrate, 99% | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: A10410.36 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500g |
| 11 | Magnesium Sulfate Heptahydrate, For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) |

| | | |
|----|---|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: M/1050/53 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500g |
| 12 | N-1-Naphthylethylene Diamine Dihydrochloride, For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: N/1252/44 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 5g |
| 13 | Sodium Dodecyl Sulfate (Sds) Powder | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: BP166-100 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100g |
| 14 | Potassium dihydrogen phosphate | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1048731000 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1kg |
| 15 | Potassium Dihydrogen Orthophosphate, 99.5+%, For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước Châu Âu đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: P/4800/50 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 250g |
| 16 | Di-Potassium Hydrogen Orthophosphate Anhydrous, Slr, Extra Pure | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: P/5240/60 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1kg |
| 17 | Potassium Iodate, For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher |

| | | |
|----|--|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Ký mã hiệu: P/5800/48 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100g |
| 18 | Potassium Permanganate | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Hàn Quốc (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Duksan - Nhân hiệu: Duksan - Ký mã hiệu: KMnO4 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1 kg |
| 19 | SPADNS | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: A16933.09 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 10g |
| 20 | Ammonium phosphate, dibasic, 99+%, for analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước Châu Âu đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 201825000 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500g |
| 21 | Sodium Acetate Trihydrate, Crystal, For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước Châu Âu đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: S/2040/53 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500g |
| 22 | Sodium Carbonate Anhydrous, Slr, Extra Pure | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước Châu Âu đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: S/2880/60 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1 kg |
| 23 | Sodium Hydroxide, Slr, Pearl, Extra Pure | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: S/4840/60 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm |

| | | |
|----|--|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: 1kg |
| 24 | Sodium molybdate(VI) dihydrate, 99+% | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 206371000 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100g |
| 25 | Sodium Nitrite, For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: S/5640/53 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500g |
| 26 | Sodium Sulfate Anhydrous, 99+% | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: A19890.36 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500g |
| 27 | Sodium tungstate dihydrate, 99+%, ACS reagent | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 424475000 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500g |
| 28 | Sodium Thiosulfate Pentahydrate, Extra Pure, Slr | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: S/7200/53 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500g |
| 29 | Sodium oxalate, ACS, 99.5+% | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước Châu Âu đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 041759.30 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 250g |

| | | |
|----|---|---|
| 30 | Sulfanilic acid, 99% | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 150711000 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100g |
| 31 | Sodium sulfite anhydrous | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Trung Quốc (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Xilong - Nhân hiệu: Xilong - Ký mã hiệu: Na₂SO₃ - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500g |
| 32 | Silver nitrate | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Tây Ban Nha (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Scharlau - Nhân hiệu: Scharlau - Ký mã hiệu: PL00500100 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100g |
| 33 | Formic Acid, 98-100%, For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: F/1900/PB15 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1 L |
| 34 | Magnesium chloride hexahydrate | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Tây Ban Nha (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Scharlau - Nhân hiệu: Scharlau - Ký mã hiệu: MA00361000 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1 kg |
| 35 | Hydroxylammonium Chloride, 99+%, For Analysis, Certified Ar | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: H/1950/50 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 250g |
| 36 | Salicylic acid, 99% | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) |

| | | |
|----|---|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: A12253.36 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500g |
| 37 | L-Ascorbic Acid, 99+%, Extra Pure, Slr | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: A/8880/48 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100g |
| 38 | 1,10-Phenanthroline monohydrate, 99+% | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: A14140.09 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 10 g |
| 39 | Ammonium Iron(II) Sulfate Hexahydrate, For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu : A/4880/53 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500g |
| 40 | Silver (I) sulfate | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Tây Ban Nha (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Scharlau - Nhân hiệu: Scharlau - Ký mã hiệu: PL00710100 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100g |
| 41 | EDTA magnesium disodium salt, Hi-AR™/ACS | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Ấn Độ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Himedia - Nhân hiệu: Himedia - Ký mã hiệu: GRM9529-500 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500g |
| 42 | Sodium salicylate | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros |

| | | |
|----|---|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Ký mã hiệu: A17056.0B - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1 kg |
| 43 | Tri-Sodium citrate dihydrate | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Tây Ban Nha - Hãng sản xuất: Scharlau - Nhân hiệu: Scharlau - Ký mã hiệu: SO02001000 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1kg |
| 44 | Cellulose microcrystalline | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 387242500 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 250g |
| 45 | Oxalic acid, 98%, anhydrous | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước Châu Âu đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 186432500 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 250 g |
| 46 | Hexanes, 95% N-Hexane Approx., For Hplc | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước Châu Âu đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: H/0406/17 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 2,5 L |
| 47 | Methylene Blue, pure, certified, residual water | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước Châu Âu đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 414241000 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100g |
| 48 | Barium Chloride Dihydrate, For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước Châu Âu đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: B/0550/53 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500g |

| | | |
|----|---|---|
| 49 | 1,5-Diphenylcarbazide | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Tây Ban Nha (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Scharlau - Nhân hiệu: Scharlau - Ký mã hiệu: DI06500025 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 25G |
| 50 | Polyseed Bod Inoculum pk/50 | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Hach - Nhân hiệu: Hach - Ký mã hiệu: 2918700 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 50 Viên |
| 51 | Chloroform, Stabilized With Amylene, For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: C/4960/17 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 2.5L |
| 52 | Potassium chloride 3mol/l (3M) | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1048170250 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 250 ml |
| 53 | Buffer Solution pH=4 | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1094351000 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1L |
| 54 | Buffer Solution pH=7 | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1094391000 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1L |
| 55 | Dung dịch chuẩn pH 10.00 | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Thụy Sĩ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) |

| | | |
|----|---|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Hãng sản xuất: Mettler - Nhân hiệu: Mettler - Ký mã hiệu: 51350010 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 250ml |
| 56 | Acetone, Certified Eur.Ph, For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: A/0600/15 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1 L |
| 57 | Ethyl Acetate, For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: E/0900/17 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 2.5 L |
| 58 | Hydrogen Peroxide, 30%W/V, 100 Volumes, Slr, Extra Pure | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: H/1750/15 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1 L |
| 59 | Ethanol, Extra Pure, Slr, 95% V/V | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước Châu Âu đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: E/0500DF/15 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1L |
| 60 | Ammonia Solution, 35%, For Analysis, D=0.88 | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: A/3280/PB15 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1 L |
| 61 | Acetic Acid Glacial, 99.7%, Extra Pure | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher |

| | | |
|----|--|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Ký mã hiệu: A/0360/PB17 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 2,5 L |
| 62 | Hydrochloric Acid, 37%, For Analysis, D=1.18 | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: H/1200/PC15 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1 L |
| 63 | Sulfuric Acid, Min 95%, For Analysis, D=1.83 | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: S/9240/PC15 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1 L |
| 64 | Orthophosphoric Acid, 85+%, For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: O/0500/PB15 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1L |
| 65 | Silica gel 60, with fluorescent indicator, 0.060-0.2mm (70-230 mesh) | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 042757.A1 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1 kg |
| 66 | Peptone, Bacteriological | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Ấn Độ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Himedia - Nhân hiệu: Himedia - Ký mã hiệu: RM001-500G - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 g |
| 67 | Lauryl Sulfate broth | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1102660500 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm |

| | | |
|----|--|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: 500 g |
| 68 | Brilliant Green Bile Broth 2% | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Ấn Độ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Himedia - Nhân hiệu: Himedia - Ký mã hiệu: M121-500G - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 g |
| 69 | EC broth | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Ấn Độ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Himedia - Nhân hiệu: Himedia - Ký mã hiệu: M127-500G - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 g |
| 70 | PCA (Plate count agar) | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1054630500 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 g |
| 71 | MUG EC Broth | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Ấn Độ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Himedia - Nhân hiệu: Himedia - Ký mã hiệu: M1042-500G - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 g |
| 72 | N,N,N',N'-Tetramethyl-p-phenylenediamine dihydrochloride, 98+% | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: A12107.30 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 250 g |
| 73 | Chỉ thị sinh học (Sterikon) | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1102740001 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - quy cách: 15 ống |

| | | |
|----|--|--|
| 74 | Thạch CCA | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1104260500 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 G |
| 75 | Dung dịch độ dẫn chuẩn 1413 us/cm (250ml) | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Thụy Sĩ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Mettler - Nhân hiệu: Mettler - Ký mã hiệu: 51350092 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 250 ml |
| 76 | Dung Dịch Hiệu Chuẩn Độ Dẫn (EC) | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Ý (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Hanna - Nhân hiệu: Hanna - Ký mã hiệu: HI7031M - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 230ml |
| 77 | Silica Gel Grade 923 Davisil, For Chromatography | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: S/0697/50 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 250 G |
| 78 | Sodium sulfide nonahydrate | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Sigma - Nhân hiệu: Sigma - Ký mã hiệu: S2006-500G - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500g |
| 79 | Nutrient agar | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Ấn Độ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Himedia - Nhân hiệu: Himedia - Ký mã hiệu: M001-500G - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500g |
| 80 | Potassium hexachloroplatinate (IV) | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) |

| | | |
|----|--|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Hãng sản xuất: Sigma - Nhân hiệu: Sigma - Ký mã hiệu: 206067-1G - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1g |
| 81 | Copper 1000 mg/l | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1197860100 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100 ml |
| 82 | Phosphorous 1000mg/l | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1703400100 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100 ml |
| 83 | Dung dịch chuẩn NH ₄ 1000mg/l | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1198120500 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 ml |
| 84 | Hardness Quality Control Standard | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: CPA Chem - Nhân hiệu: CPA Chem - Ký mã hiệu: HRDN1000.L1 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 ml |
| 85 | Total Hardness CaCO ₃ | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: CPA Chem - Nhân hiệu: CPA Chem - Ký mã hiệu: 932316 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 ml |
| 86 | Phosphate | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck |

| | | |
|----|---|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Ký mã hiệu: 1198980500 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 ml |
| 87 | Chloride standard solution | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1198970500 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 ml |
| 88 | n-Hexadecane, 99%, pure | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 120465000 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 ml |
| 89 | Stabcal® Turbidity Standard | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Hach - Nhân hiệu: Hach - Ký mã hiệu: 2660642 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100 ml |
| 90 | Dung dịch chuẩn Nitrit | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1198990500 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 ml |
| 91 | Chất thử thí nghiệm: Escherichia coli derived from ATCC® 25922™, 0335P | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Microbiologics - Nhân hiệu: Microbiologics - Ký mã hiệu: 0335P - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 2 gói |
| 92 | Chất thử thí nghiệm: Citrobacter freundii derived from ATCC® 8090™, 0315P | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Microbiologics - Nhân hiệu: Microbiologics - Ký mã hiệu: 0315P - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm |

| | | |
|----|---|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: 2 gói |
| 93 | Chất chuẩn sulfate | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1198130500 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500ml |
| 94 | Ammonium molybdate (para) tetrahydrate, 99% | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: A13766.30 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 250 g |
| 95 | Dung dịch chuẩn pH 6,86 | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Ý (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Hanna - Nhân hiệu: Hanna - Ký mã hiệu: HI7006L - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500ml |
| 96 | Dung dịch chuẩn pH 4,01 | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Ý (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Hanna - Nhân hiệu: Hanna - Ký mã hiệu: HI7004L - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500ml |
| 97 | Dung dịch chuẩn pH 9,18 | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Ý (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Hanna - Nhân hiệu: Hanna - Ký mã hiệu: HI7009L - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 250ml |
| 98 | Potassium chloride, ACS, 99.0-100.5% | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 011595.30 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 250 G |

| | | |
|-----|--|---|
| 99 | Zinc acetate dihydrate, ACS, 98.0-101.0% | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 011559.30 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 250g |
| 100 | Eriochrome® Black T, pure, indicator grade | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước Châu Âu đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 228361000 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100g |
| 101 | Hydrochloric Acid | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Trung Quốc (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Xilong - Nhân hiệu: Xilong - Ký mã hiệu: HCl - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500ml |
| 102 | Potassium iodide | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: P/5880/53 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 g |
| 103 | Oxichlorua de zirconi(IV) octahidrat | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu : 1089170100 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100 G |
| 104 | Zirconyl chloride octahydrate, 98% | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 208371000 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100 g |
| 105 | Aluminium chloride, 98.5%, extra pure, anhydrous, powder | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) |

| | | |
|-----|--|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 217465000 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 g |
| 106 | Sodium Hydrogen Carbonate, Eur.Ph., For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: S/4240/60 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1 kg |
| 107 | L(+)-Glutamic acid, 99% | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 156212500 - Tinh khiết, hàm lượng 99%; Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 250 g |
| 108 | Ammonium Iron(III) Sulfate Dodecahydrate, For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: A/4760/53 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 g |
| 109 | Calcium chloride, dried, powder, 97% | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: L13191.0B - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1kg |
| 110 | Murexide (ammonium purpurate) | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1061610005 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 5 g |
| 111 | Potassium Sodium Tartrate Tetrahydrate, For Analysis, Crystals | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher |

| | | |
|-----|--|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Ký mã hiệu: P/6880/60 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1 kg |
| 112 | D-(+)-Glucose monohydrate, 99% | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 047263.36 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 g |
| 113 | Potassium Hydrogen Phthalate, For Analysis (KHP) | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: P/5320/50 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 250 g |
| 114 | Sodium Chloride, Eur.Ph., For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: S/3160/60 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1 kg |
| 115 | Sodium disulfide | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1065280500 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 g |
| 116 | Starch soluble (Tinh bột) | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1012520250 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 250 g |
| 117 | Stearic acid, 97% | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 174490010 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm |

| | | |
|-----|---|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: 1 kg |
| 118 | Dichloroisocyanuric acid | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 204110250 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 25 g |
| 119 | Ammonium Acetate, For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: A/3440/53 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 g |
| 120 | N,N Dimethyl-4-phenylenediammonium | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1030670025 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 25 g |
| 121 | Sodium nitroprusside dihydrate | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1065410100 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100g |
| 122 | Manganese(II) sulfate monohydrate, 99+%, extra pure | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 205905000 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500g |
| 123 | Potassium antimonyl tartrate sesquihydrate, 99+% | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 223801000 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100 g |

| | | |
|-----|---|---|
| 124 | Potassium Persulfate, For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: P/6640/50 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 250 g |
| 125 | Chloramine-T trihydrate, 98% | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: A12044.30 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 250 g |
| 126 | Sulfanilamide, 98% | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 132851000 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100g |
| 127 | N,N-Dimethyl-p-phenylenediamine oxalate | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 408490050 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 5 g |
| 128 | Barbituric acid | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 8001330100 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100g |
| 129 | Di-Sodium Tetraborate Decahydrate, For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: S/7040/53 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm Quy cách: 500g |
| 130 | BHI Broth | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Ấn Độ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) |

| | | |
|-----|---|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Hãng sản xuất: Himedia - Nhân hiệu: Himedia - Ký mã hiệu: M210-500G - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm <p>Quy cách: 500g</p> |
| 131 | Potassium hexacyanoferrate (III) | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1049730250 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm <p>Quy cách: 250 g</p> |
| 132 | Safranin O, 95%, pure, high purity biological stain | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 146640250 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm <p>Quy cách: 25 g</p> |
| 133 | Ammonium oxalate monohydrate, 99+%, ACS reagent | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 423361000 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm <p>Quy cách: 100 g</p> |
| 134 | Crystal Violet, pure, indicator | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 212120250 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm <p>Quy cách: 25 g</p> |
| 135 | Citric Acid Monohydrate, 99.8+%, Eur. Ph., For Analysis | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Fisher - Nhân hiệu: Fisher - Ký mã hiệu: C/6200/60 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm <p>Quy cách: 1 kg</p> |
| 136 | Ống lưu trữ chủng vi sinh, 4 màu, Chứa các hạt lưu trữ và có môi trường pha sẵn | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Anh (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Mast Group - Nhân hiệu: Mast Group |

| | | |
|-----|---|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Ký mã hiệu: CRYOBANK - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 80 ống/hộp |
| 137 | Silicagel hút ẩm | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Trung Quốc (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Xilong - Nhân hiệu: Xilong - Ký mã hiệu: SiO₂ - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 g |
| 138 | Barium hydroxide octahydrate, 97% | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: A12714.36 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 g |
| 139 | Magnesium oxide | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Sigma - Nhân hiệu: Sigma - Ký mã hiệu: 243388-25G - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 25 G |
| 140 | 4-Aminoantipyrine, 98% | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 103150250 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 25 g |
| 141 | Chloramine-B (N-Chlorobenzenesulfonamide sodium salt) | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Sigma - Nhân hiệu: Sigma - Ký mã hiệu: 23265-100G - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100 G |
| 142 | P-dimethylaminobenzalrhodanine | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1030590005 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm |

| | | |
|-----|--|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: 5G |
| 143 | Calcium hydroxide, 98%, extra pure | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: 219181000 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100 G |
| 144 | Ethylenediamine, 99% | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Acros - Nhân hiệu: Acros - Ký mã hiệu: A12132.AE - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100 ML |
| 145 | 3-metyl,2-benzothiazolone hydrazine hydrochloride | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Sigma - Nhân hiệu: Sigma - Ký mã hiệu: 65875-2.5G - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 2,5 g |
| 146 | Fluoride ic-std 1000 mg/l 500 ml | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1198140500 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 ml |
| 147 | Ống chuẩn $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$ 0,1N | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Việt Nam (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Việt Nam - Nhân hiệu: Việt Nam - Ký mã hiệu: $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$ 0,1N - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1 ống /hộp |
| 148 | Ống chuẩn HCl 0,1 N | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Việt Nam (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Việt Nam - Nhân hiệu: Việt Nam - Ký mã hiệu: HCl 0,1 N - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1 ống /hộp |

| | | |
|-----|--|--|
| 149 | Ống chuẩn AgNO ₃ 0,1N | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Việt Nam (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Việt Nam - Nhân hiệu: Việt Nam - Ký mã hiệu: AgNO₃ 0,1N - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1 ống /hộp |
| 150 | Chất chuẩn đo độ dẫn 1413 | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Ý (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Hanna - Nhân hiệu: Hanna - Ký mã hiệu: HI7031L - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 ml |
| 151 | Dung dịch chuẩn NaCl 1000mg/l | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Hach - Nhân hiệu: Hach - Ký mã hiệu: 210553 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1 L |
| 152 | Ammonium iron (III) sunfate didecahydrat | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1037760500 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 G |
| 153 | Pyridine, ACS 1000ml | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1097280500 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 ml |
| 154 | Môi trường Pseudomonas Agar Base | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Ấn Độ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Himedia - Nhân hiệu: Himedia - Ký mã hiệu: M119-100G - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100 G |
| 155 | Môi trường King's Medium B Base | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Ấn Độ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) |

| | | |
|-----|--|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Hãng sản xuất: Himedia - Nhân hiệu: Himedia - Ký mã hiệu: M1544-500G - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500G |
| 156 | Môi trường Acetamide Broth (Twin Pack) | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Ấn Độ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Himedia - Nhân hiệu: Himedia - Ký mã hiệu: M148-500G - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 G |
| 157 | Môi trường Slanetz and Bartley Medium | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Ấn Độ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Himedia - Nhân hiệu: Himedia - Ký mã hiệu: M612-500G - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 100 G |
| 158 | Thạch mật Bile Esculin Azide Agar | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Ấn Độ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Himedia - Nhân hiệu: Himedia - Ký mã hiệu: M493-500G - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 G |
| 159 | Chất thử thí nghiệm: Enterococcus faecalis derived from ATCC® 29212™, 0366P | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Microbiologics - Nhân hiệu: Microbiologics - Ký mã hiệu: 0366P - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 2 gói |
| 160 | Chất thử thí nghiệm: Clostridium perfringens derived from ATCC® 13124™ | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Microbiologics - Nhân hiệu: Microbiologics - Ký mã hiệu: 0318P - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 2 gói |
| 161 | Chất thử thí nghiệm: Pseudomonas aeruginosa derived from ATCC® 27853™, 0353P | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Mỹ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Microbiologics - Nhân hiệu: Microbiologics |

| | | |
|-----|---|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Ký mã hiệu: 0353P - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 2 gói |
| 162 | TSC (Tryptose Cycloserine) Agar Sulfite | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1119720500 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500G |
| 163 | M-(HPC) Heterotrophic Plate Count Agar | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Ấn Độ (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Himedia - Nhân hiệu: Himedia - Ký mã hiệu: M1123-500G - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 G |
| 164 | Tin(II) chloride anhydrous | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 8181500500 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 500 G |
| 165 | Perchloric acid | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1090651000 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 1L |
| 166 | Sodium iodide | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 1065230250 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm - Quy cách: 250 G |
| 167 | Sodium borohydride | <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) - Hãng sản xuất: Merck - Nhân hiệu: Merck - Ký mã hiệu: 8063730100 - Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm |

| | | |
|-----|-----------------------|--|
| | | – Quy cách: 100 G |
| 168 | Hydroxylamine sulfate | – Xuất xứ: Đức (hoặc các nước khác đáp ứng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật) – Hãng sản xuất: Sigma-Adrich – Nhân hiệu: Sigma-Adrich – Ký mã hiệu: 210250 – Tinh khiết, Tiêu chuẩn thí nghiệm – Quy cách: 1 KG |

Ghi chú: Trong trường hợp bảng thông số kỹ thuật trên có nêu tên hãng/nhà sản xuất/thương hiệu hàng hóa/model hàng hóa thì mô tả đó chỉ mang tính tham khảo, nhà thầu có thể chào thiết bị có thông số kỹ thuật tương đương bằng hoặc tốt hơn thông số kỹ thuật của thiết bị yêu cầu nêu trên.

1.3. Các yêu cầu khác

1.3.1. Yêu cầu về bảo hành

- Thời gian bảo hành: **12 tháng**, kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng thiết bị. Trường hợp thời gian bảo hành của hãng sản xuất > 12 tháng thì áp dụng thời gian bảo hành thiết bị của hãng.

- Phương thức bảo hành: Khi có yêu cầu về bảo hành, Nhà thầu phải cử cán bộ có chuyên môn trực tiếp thực hiện hoàn thành bảo hành không chậm quá 24 giờ kể từ khi được yêu cầu của Chủ đầu tư.

1.3.2. Yêu cầu về lắp đặt, nghiệm thu, bàn giao hàng hóa

- Hàng hóa còn nguyên đai, nguyên kiện, đồng bộ, chắc chắn theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

- Bàn giao hàng hóa trực tiếp tại đơn vị sử dụng tài sản đã nêu trong E-HSMT.

- Kiểm tra thiết bị trước khi nghiệm thu.

1.3.3. Bảng cam kết kế hoạch cung cấp hàng hóa và thực hiện hợp đồng

Bảng cam kết do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu, bao gồm các nội dung sau:

a) Cung cấp hàng hóa có nhãn theo đúng quy chế nhãn và có bao bì, đóng gói phù hợp.

b) Thu hồi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền nhưng nguyên nhân không phải do bên mời thầu.

c) Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đồng thời với việc cung cấp hàng hóa: Nhà thầu sẽ cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng từ chứng minh hàng hóa cung cấp hợp pháp, đảm bảo chất lượng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng như: CO, CQ, (đối với hàng hóa nhập khẩu); chứng nhận đủ tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa của cơ quan có thẩm quyền (nếu có) đối

với hàng hóa sản xuất trong nước. Trường hợp nhà thầu không cung cấp đầy đủ các yêu cầu nêu trên thì đơn vị sử dụng (Chủ đầu tư) có quyền từ chối việc thực hiện hợp đồng, khi đó nhà thầu sẽ chịu mất tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng đối với phần thiết bị vi phạm và Chủ đầu tư có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, nhà thầu không có khiếu nại gì về sau.

Mục 2. Bản vẽ: Không.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Nhà thầu phối hợp với Bên mời thầu tổ chức nghiệm thu, bàn giao:

- Điều kiện để nghiệm thu: Hàng hóa mới 100%, còn nguyên đai nguyên kiện theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, hoạt động tốt, đáp ứng đúng theo quy định của hợp đồng về chủng loại, xuất xứ hàng hóa, các thông số kỹ thuật, bảo hành đã ký giữa hai Bên.

- Điều kiện để bàn giao: Hàng hóa phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu trong hợp đồng, E-HSMT, E-HSDT quy định, được Vinacontrol (do chủ đầu tư thuê) cấp chứng thư giám định hàng hóa và hàng hóa nếu nhập khẩu phải có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO), Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa của nhà sản xuất (CQ) hợp lệ hoặc hàng hóa sản xuất, lắp ráp trong nước phải có đầy đủ Giấy chứng nhận xuất xưởng, Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) thì Hai bên mới ký biên bản nghiệm thu và làm thủ tục giao nhận. Hàng hóa không đạt yêu cầu Bên mời thầu có quyền từ chối không nhận.

- Trong trường hợp Chủ đầu tư phát hiện hàng hóa không đảm bảo quy cách, chất lượng, không đúng chủng loại theo hợp đồng, nhà thầu sẽ bị coi là vi phạm hợp đồng và phải thay thế. Nếu tiếp tục vi phạm đến lần 3, Chủ đầu tư có quyền hủy bỏ hợp đồng với nhà thầu.

Khi thực hiện các nội dung nêu trên, Nhà thầu không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.

* Tài liệu chứng minh: Văn bản cam kết của Nhà thầu.